

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HC-PT

Ngày: 25/02/2022

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh

Bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 454/2021/TLPT-HC ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2021/HC-ST ngày 15/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11579/2021/QĐ-PT, ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Lê Q, sinh năm 1952; địa chỉ: tổ dân phố 3, thị trấn NB, huyện Y, tỉnh B, có mặt.

Người bào vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Giáp TV – Luật sư Văn phòng Luật sư K, Đoàn Luật sư tỉnh B, có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T, chức vụ: Phó Chủ tịch, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân thị trấn NB, huyện Y.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ N, chức vụ: Chủ tịch, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà Phạm H, sinh năm 1952, vắng mặt.

4. Anh Lê H, sinh năm 1975, có mặt.

5. Chị Lê T, sinh năm 1984, vắng mặt.

6. Anh Lê AT, sinh năm 1974, vắng mặt.

Cùng có địa chỉ: tổ dân phố 3, thị trấn NB, huyện Y, tỉnh B.

7. Chị Lê TH, sinh năm 1977; địa chỉ: tổ dân phố 5, thị trấn NB, huyện Y, tỉnh B, có mặt.

*** Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Lê Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 6 năm 2020, và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, người khởi kiện là ông Lê Q trình bày:

Năm 1998, gia đình ông được Nhà nước giao quản lý, sử dụng thửa đất số 172, diện tích 55,2m² và thửa đất số 132a, diện tích 85m², hai thửa đất đều thuộc tờ bản đồ trích đo, đều ở xứ đồng C, loại đất LUC; hai thửa đất năm 1998 UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Q nhưng ông xác định số ruộng trên nhà nước giao cho hộ gia đình. Năm 1998, hộ gia đình ông gồm: ông, bà Phạm H (vợ), các con gồm: anh Lê AT, anh Lê H, chị Lê T đều ở Tổ dân phố 3, thị trấn NB, huyện Y, tỉnh B và chị Lê TH ở Tổ dân phố 5, thị trấn NB, huyện Y, tỉnh B. Gia đình ông sử dụng ổn định từ khi được giao. Năm 2012, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 về việc thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng mở rộng chợ No1, thị trấn No1 (nay là thị trấn NB), tổng diện tích đất của gia đình ông bị thu hồi là 140,2m² gồm: thửa đất số 172, diện tích 55,2m²; thửa đất số 132a, diện tích 85m². Ngày 30/8/2012, ông nhận được quyết định trên. Ngày 05/9/2012, ông làm đơn khiếu nại Quyết định số 115 vì quyết định này bồi thường thiếu diện tích đất của gia đình, trước khi ban hành quyết định UBND huyện Y không tiến hành kiểm đếm đối với thửa đất số 132a. Ngày 29/11/2012, UBND huyện Y lập biên bản làm việc đo lại thửa đất số 132a. Ngày 19/11/2018, Chủ tịch UBND huyện Y mới ban hành Công văn số 1552/UBND-TCD về việc giải quyết đơn của ông và ngày 20/11/2018 UBND thị trấn No1 (nay là thị trấn NB) giao cho ông, vì giao cho ông bản pho to nên ông nhận nhưng không ký biên bản giao nhận.

Do Công văn số 1552/UBND-TCD ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Y không trả lời nội dung bồi thường thiếu diện tích ruộng của gia đình nên ngày 27/8/2019 ông làm đơn khởi kiện. Ngày 15/5/2020, ông rút đơn khởi kiện Quyết định số 44/ QĐ-UBND ngày 14/02/2011 của UBND huyện Y nhưng không rút đơn khởi kiện Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 của UBND huyện Y. Không thấy đơn khởi kiện được xử lý, ngày 02/7/2020, ông tiếp tục làm đơn khởi kiện Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 của UBND huyện Y và ngày 09/7/2020 Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý giải quyết.

Theo ông, Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 về việc thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng mở rộng chợ No1, thị trấn No1 (nay là thị trấn NB) của UBND huyện Y đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông vì:

- UBND huyện Y thu hồi thửa đất số 132a, diện tích thể hiện trong giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất là 85m², gia đình ông khai hoang thêm nên diện tích thực tế là 266m². UBND huyện Y trả tiền bồi thường cho gia đình ông diện tích 85m² là bị thiếu 181m².

- Quyết định số 115/QĐ-UBND ban hành ngày 30/5/2012 nhưng ngày 30/8/2012 mới giao cho ông.

- Không giao cho ông 01 ki ốt tại chợ No1;

- UBND huyện Y không có quyết định cưỡng chế nhưng đêm 29/11/2012 tổ chức đổ đất san lấp mặt bằng thửa đất 132a.

Do đó, ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xem xét yêu cầu gồm: hủy Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 về việc thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng mở rộng chợ No1, thị trấn No1 (nay là thị trấn NB) của UBND huyện Y; buộc UBND huyện Y bồi thường diện tích còn thiếu của thửa đất số 132a và buộc UBND huyện Y hỗ trợ giao cho ông 01 ki ốt số 10 không phải nộp tiền.

Người bị kiện là UBND huyện Y do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công tác lập hồ sơ GPMB thực hiện dự án xây dựng mở rộng chợ No1; quá trình lập và thực hiện dự án, việc thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ đất tái sản trên đất đã được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục, đúng quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

1. Trình tự thủ tục lập hồ sơ GPMB:

Hồ sơ được thực hiện đúng trình tự, thủ tục về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại các Điều 27, 28, 29 và 38 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính Phủ, cụ thể: Căn cứ vào đơn xin giao đất ngày 01/10/2011 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện; ngày 10/10/2011 UBND huyện ban hành thông báo thu hồi đất số 52/UBND-TB theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP. Sau đó các bước đo đạc, khảo sát, xác định hiện trạng thửa đất đã được tiến hành theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và Điều 50 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính Phủ; Điều 6 Quyết định số 118/2009/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 của UBND tỉnh B quy định về trình tự thủ tục giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn tỉnh B.

Việc lập Phương án, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đã được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 30, 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP. UBND huyện ban hành Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 về việc thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng Chợ No1; Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 13/8/2012 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng với tổng diện tích thu hồi 8.486,5m² tổng giá trị Phương án bồi thường GPMB khi Nhà nước thu hồi đất: 8.597.384.000 đồng đúng quy định tại Điều 30 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP.

2. Chính sách Bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

Thực hiện dự án xây dựng mở rộng Chợ No1 hộ gia đình ông Lê Q bị thu hồi

02 thửa đất nông nghiệp gồm thửa đất số 132a, diện tích 85m² và thửa đất số 172, diện tích 55,2m² tờ bản đồ trích đo, xứ đồng C, có nguồn gốc sử dụng đất là đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất với thời hạn sử dụng đất là 20 năm, mục đích sử dụng là đất nông nghiệp trồng lúa. Năm 1998 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N758489; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00513 QSĐĐ/785/QĐ-ĐU.

Tổng bồi thường hỗ trợ đối với 02 thửa đất với diện tích 140,2m² trên là: 22.361.900 đồng, trong đó:

+) Bồi thường đất: Theo khoản 2, Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP “2. Nhà nước thu hồi đất của người đang sử dụng vào mục đích nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tính theo giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.

Căn cứ vào Điều 4 Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 quy định giá đất tính bồi thường “1. Giá đất để tính bồi thường là giá đất theo mục đích sử dụng tại thời điểm quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do UBND tỉnh quyết định và công bố công khai vào ngày 01 tháng 01 hàng năm, không bồi thường theo giá đất sẽ được chuyển mục đích sử dụng”.

Căn cứ vào Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 của UBND tỉnh B ban hành bảng mức giá các loại đất năm 2012 áp dụng trên địa bàn tỉnh B, đối với huyện Y đất nông nghiệp thuộc thị trấn giá là 42.000đ/m².

+) Bồi thường hoa màu: 5.500đ/m² quy định tại mục I, Bảng số phụ lục số 1 tại Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 27/01/2011.

+) Chính sách hỗ trợ: Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất đối với hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp: 7.000đ/m². Được quy định tại Điều 9 Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 27/01/2011.

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và đào tạo việc làm theo quy định tại Điều 11 Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 là 2,5 lần giá đất nông nghiệp là 105.000đ/m².

Theo khoản 4 Điều 13 Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND quy định thu hồi trên 70% diện tích của một định suất thì được hỗ trợ đào tạo nghề 1 lao động = 1.500.000đ/01 lao động, tuy nhiên diện tích trên chưa đủ điều kiện để hỗ trợ đào tạo nghề.

Đối chiếu với các quy định, căn cứ pháp lý trên: việc thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với 02 thửa đất nông nghiệp của hộ gia đình ông Lê Q bị thu hồi để thực hiện dự án với tổng diện tích thu hồi là 140,2m², tổng số tiền bồi thường hỗ trợ là 22.361.900 đồng là đúng, đầy đủ theo quy định tại Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 27/01/2011.

3. Trình bày các quan điểm theo yêu cầu của Tòa án:

- Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 về việc thu hồi đất thực hiện

dự án xây dựng, mở rộng Chợ No1 đến ngày 30/8/2012 mới bàn giao: Các quyết định thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ đã được công khai dân chủ và giao cho chủ sử dụng đất theo quy định.

- Bồi thường hỗ trợ diện tích 85m² là thiếu diện tích, còn 181m² khai hoang tại thửa đất số 132a:

Điểm c, khoản 4, Điều 19 Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND quy định trách nhiệm của UBND xã, thị trấn “*c) Xác nhận: tình trạng sử dụng đất của người bị thu hồi đất, mục đích sử dụng đất, loại đất, thời điểm sử dụng đất và tài sản trên đất bị thu hồi, đối tượng chính sách, định xuất giao ruộng; chỉ đạo Công an xã xác minh hộ khẩu, nhân khẩu cư trú tại nơi thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân*”

Trên cơ sở hồ sơ địa chính và hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Q, việc xác định diện tích, chủ sử dụng đất, loại đất đã được UBND thị trấn No1, Ban quản lý tiểu khu 3 và các cơ quan liên quan xác nhận tại Biên bản ngày 15/02/2012, ngoài ra còn được đại diện hộ gia đình là ông Lê Q tự kê khai ngày 14/4/2012 là diện tích 85m²; bản trích đo bản đồ địa chính khu đất cũng thể hiện diện tích thửa đất 132a, diện tích 85m², phần diện tích ông Q đòi bồi thường 181m² là thửa số 138, đất nghĩa trang do UBND thị trấn No1 quản lý. Do vậy, không có cơ sở để bồi thường diện tích 181m² đất cho hộ ông Q.

- Khi ban hành quyết định thu hồi đất không tổ chức kiểm kê, kiểm đếm: Ngày 14/4/2012, hộ ông Lê Q đã tự kê khai tài sản, cây cối tại 2 thửa đất số 132a và thửa đất số 172 theo quy định.

- Không giao cho gia đình ông Q 01 ki ốt chợ: Theo quy định về chính sách bồi thường quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật đất đai năm 2003 quy định “*2. Người bị thu hồi loại đất nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm có quyết định thu hồi*”.

Tại Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 về việc thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng Chợ No1; Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng với tổng diện tích thu hồi 8.486,5m² tổng giá trị phương án bồi thường GPMB khi Nhà nước thu hồi đất: 8.597.384.000 đồng đã đảm bảo đúng, đủ theo quy định tại Điều 42 Luật đất đai năm 2003, Điều 4, 9, 11, 13 Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 của UBND tỉnh B (Cụ thể, bồi thường thửa đất số 132a, diện tích 85m², tiền bồi thường, hỗ trợ: 13.557.500 đồng và thửa đất số 172, diện tích 55,2m², tiền bồi thường, hỗ trợ: 8.804.440 đồng).

Do vậy việc hộ ông Lê Q đề nghị giao 01 lô ki ốt chợ là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

-Về việc cưỡng chế thu hồi đất: UBND huyện Y chưa ban hành quyết định cưỡng chế, tuy nhiên đơn vị thi công đã không nắm rõ vị trí chưa chi trả tiền GPMB do vậy đơn vị thi công đã tự ý đổ đất lên thửa 132a của ông Lê Q. Hiện tại vị trí

thửa đất 132a đã xây dựng chợ No1 nên không còn hiện trạng.

Từ các nội dung trên, UBND huyện giữ nguyên Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 ban hành về việc thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng Chợ No1.

Sau khi nhận Quyết định số 115/QĐ-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng mở rộng chợ No1, thị trấn No1, ông Lê Q khiếu nại về việc thửa đất số 132a xứ đồng C thu hồi 85m² là chưa hết diện tích thực tế gia đình ông vỡ hoang từ trước năm 1993, Chủ tịch UBND huyện Y không trả lời khiếu nại, đến ngày 19/11/2018 Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Công văn số 1552/UBND – TCD về việc giải quyết đơn của ông Lê Q cũng không trả lời nội dung này là do UBND huyện, các cơ quan chuyên môn, UBND thị trấn No1 (cũ) đã trực tiếp trả lời tại các buổi tiếp công dân và đối thoại trả lời đơn.

Tại biên bản đối thoại ngày 28/11/2013 các phòng ban đối thoại với ông Q, Chủ tịch UBND thị trấn No1 (nay là thị trấn NB) xác định: *Việc hộ ông Lê Q sử dụng một phần diện tích khai hoang từ trước năm 1993 là có thật, nhưng trong quá trình sử dụng đất không sử dụng liên tục đến thời điểm khoảng năm 2005–2007 gia đình ông Lê Q không sử dụng, hiện trạng là đất nghĩa địa.* Chứng cứ chứng minh gia đình ông Lê Q không sử dụng nhiều năm là:

- Tại biên bản ngày 05/9/2012 UBND thị trấn No1 (cũ), đại diện tiểu khu 3 và công chức địa chính thị trấn đã khẳng định là đất từ năm 2007 đến thời điểm thu hồi không có hộ nào sử dụng vào mục đích trồng lúa, hiện trạng tại thời điểm kiểm tra là khu vực đổ rác của Chợ No1 cũ.

- Ngoài ra, tại bản đồ địa chính của thị trấn No1 thuộc thửa đất số 346, tờ bản đồ địa chính số 20 của thị trấn No1 là đất nghĩa địa; phần diện tích ông Q đề nghị được bồi thường là đất nghĩa địa do UBND thị trấn No1 (cũ) quản lý, ông Q đã lấn chiếm đất chuyên dùng.

Căn cứ pháp lý để UBND huyện Y không bồi thường cho gia đình ông Q phần diện tích đất khai hoang của thửa đất số 132a vì gia đình ông Q không sử dụng nhiều năm là theo điểm a khoản 1, Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ.

“Điều 3. Đất sử dụng ổn định quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai.

1. Đất sử dụng ổn định quy định tại khoản 4 Điều 50 của Luật Đất đai là đất đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Đất đã được sử dụng liên tục cho một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm được cấp Giấy chứng nhận hoặc đến thời điểm có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận;”

Đối với thửa đất trên được xác định là đất nghĩa trang, nghĩa địa nên căn cứ theo Điều 43 Luật đất đai 2003. Những trường hợp thu hồi đất mà không bồi thường:

“1. Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:

b) Đất rừng phòng hộ; đất rừng đặc dụng; đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất giao thông, thủy lợi; đất xây dựng các công trình văn hoá, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao và các công trình công cộng khác không nhằm mục đích kinh doanh; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa”.

Tại Biên bản kiểm tra hiện trạng đối với thửa đất hộ ông Q đề nghị bồi thường hỗ trợ thêm phần diện tích khai hoang ghi ngày 29/11/2012, các phòng ban của UBND huyện Y, UBND thị trấn No1 (cũ) và Trường Tiểu khu 3, đoàn công tác đo và vẽ sơ đồ trong biên bản là thửa đất số 138.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND thị trấn NB, huyện Y do người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Đồng ý trình bày của UBND huyện Y.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND huyện Y trình bày:

Tại phiên tiếp công dân theo định kỳ ngày 12/11/2018, Chủ tịch UBND huyện Y và các đại biểu tiếp công dân của huyện đã tiếp ông Lê Q đến phản ánh một số nội dung liên quan đến công tác thu hồi đất của gia đình ông, để thực hiện các dự án quy hoạch đất ở Tiểu khu 3, thị trấn No1, quy hoạch mở rộng chợ No1 và đề nghị được giao lô ki ốt còn lại của chợ No1 (ki ốt số 10). Theo quy định tại Điều 8, Luật tiếp công dân năm 2013, Chủ tịch UBND huyện Y là người chủ trì phiên tiếp công dân đã tiếp thu ý kiến phản ánh của công dân đồng thời tuyên truyền, giải thích cho công dân hiểu về chính sách bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Lê Q.

Đối với nội dung ông Lê Q đề nghị giao 01 lô ki ốt còn lại của chợ No1 (lô ki ốt số 10): Tại phiên tiếp công dân ngày 12/11/2018, ông Lê Q chỉ đề nghị tại phiên tiếp, không gửi đơn đến UBND huyện để được xem xét, giải quyết. Chủ tịch UBND huyện đã hướng dẫn công dân làm đơn xin giao ki ốt, trình bày nguyện vọng của gia đình, cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính, các nội dung trên phải nêu rõ trong đơn để Chủ tịch UBND huyện làm căn cứ giao cơ quan chuyên môn của huyện tham mưu giải quyết, đồng thời Chủ tịch UBND huyện tuyên truyền vận động ông Lê Q nhận tiền, bàn giao đất các dự án còn vướng mắc và làm đơn cam kết chấm dứt đề nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến các nội dung nêu trên.

Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Công văn số 1552/UBND–TCD ngày 19/11/2018, đây là văn bản thông thường và thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch UBND huyện Y, đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Phạm H trình bày:

Bà đồng ý với trình bày của ông Q, bà trình bày thêm: Ngày 30/8/2012, ông Q nhận được Quyết định số 115, ngay trong ngày ông Q thông báo lại nội dung quyết định về việc UBND huyện Y thu hồi 02 thửa ruộng của gia đình cho các con trong đó có bà. Từ khi được ông Q thông báo nội dung Quyết định số 115 đến khi ông Q

khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh B, bà không đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khiếu nại hay khởi kiện Quyết định số 115 của UBND huyện Y. Nay ông Q khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 115 của UBND huyện Y bà đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Lê AT, anh Lê H, chị Lê TH và chị Lê T trình bày:

Đồng ý với trình bày của ông Q và trình bày thêm: Ngày 30/8/2012, ông Q nhận được Quyết định số 115, ngay trong ngày ông Q thông báo lại nội dung quyết định cho các con. Từ khi được ông Q thông báo nội dung Quyết định số 115, đến khi ông Q khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh B, các anh chị không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền khiếu nại hay khởi kiện Quyết định số 115 của UBND huyện Y.

Ông Hoàng U—nguyên trưởng tiểu khu 3 trình bày:

Ông làm trưởng Tiểu khu 3, thị trấn NB (nay là tổ dân phố 3, thị trấn NB) từ năm 2010 đến năm 2012. Ngày 30/5/2012, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 115/QĐ–UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng mở rộng chợ No1. Sau khi ban hành quyết định, ông Q có đơn đề nghị xem xét về việc bồi thường thiếu diện tích thửa đất số 132a. Ông xác định thửa đất số 132a của gia đình ông Q ngoài diện tích 85m² đất giao 20 năm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn có diện tích đất khai hoang, cụ thể diện tích bao nhiêu ông không rõ; diện tích đất khai hoang địa phương không theo dõi. Gia đình ông Q khai hoang và sử dụng từ cuối năm 1992. Năm 2012, thu hồi bồi thường giải phóng mặt bằng, gia đình ông Q có sử dụng diện tích khai hoang hay không, ông không rõ. Chợ No1 đã san lấp mặt bằng, xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 2015 đến nay nên thửa đất số 132a của gia đình ông Q không còn hiện trạng.

Ông Mạnh T—nguyên Bí thư chi bộ Tiểu khu 3, thị trấn No1 (nay là tổ dân phố 3, thị trấn NB) trình bày:

Ông đồng ý với trình bày của ông U, ngoài ra ông trình bày thêm, ông làm Bí thư chi bộ Tiểu khu 3, thị trấn No1 (nay là tổ dân phố 3, thị trấn NB) từ năm 2010 đến năm 2015. Trước đây, gia đình ông Q có diện tích đất khai hoang cùng thửa đất số 132a không, ông không nắm được. Ngày 30/11/2012 ông Q có bản xác nhận đề nghị Ban quản lý Tiểu khu 3 xác nhận với nội dung: Đo thực tế thửa đất số 132a, cụ thể phía Đông = 12m; phía Tây = 11,5m; phía Bắc giáp chợ No1 = 22m; phía Nam = 23m, do trưởng tiểu khu 3 đã xác nhận trước nên ông có xác nhận vào giấy.

Ông Nguyễn L trưởng tiểu khu 3, thị trấn No1 (nay là tổ dân phố 3, thị trấn NB) cung cấp:

Ông làm trưởng tiểu khu 3 từ tháng 10 năm 2012 đến nay. Thời điểm UBND huyện Y ban hành Q định số 115/QĐ–UBND ngày 30/5/2012 ông làm phó tiểu khu. Ông xác định thửa đất số 132a của gia đình ông Q ngoài diện tích 85m² đất giao 20 năm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông Q còn có diện tích

đất khai hoang từ khoảng năm 1994, cụ thể diện tích bao nhiêu, ông không nắm được.

Sau khi UBND huyện Y ban hành Quyết định số 115/QĐ-UBND, ông Q có đơn đề nghị về việc bồi thường thiếu diện tích khai hoang của thửa đất số 132a. Ngày 30/11/2012, ông xác nhận cho ông Q với nội dung “*xác nhận thửa số 132a của gia đình ông Q có diện tích được giao 20 năm là 85m² còn lại là diện tích vỡ hoang cùng thửa 132a*”.

Ngày 29/11/2012 tổ công tác lập biên bản kiểm tra hiện trạng thửa đất số 132a và vẽ sơ đồ thửa đất số 132a, biên bản vẽ sơ đồ thửa 138 là ghi nhầm. Chợ No1 đã xây dựng xong, đưa vào hoạt động từ năm 2015 đến nay, do đó thửa đất số 132a của gia đình ông Q không còn hiện trạng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2021/HC-ST ngày 15/7/2021, Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 158, Điều 78, Điều 80, Điều 164, Điều 191; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 16 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư và trình tự thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, khoản 2 Điều 14, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/8/2009 quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Q về việc yêu cầu hủy Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 về việc thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng mở rộng chợ No1, thị trấn No1, huyện Y phần nội dung thu hồi thửa đất số 132a.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Q về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Y bồi thường thêm diện tích của thửa đất 132a là 181m².

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Q về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Y giao cho 01 ki ốt tại chợ No1, không thu tiền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/7/2021, ông Lê Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận các yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu: hủy Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 về việc thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng mở rộng chợ No1, thị trấn No1 (nay là thị trấn NB) của UBND huyện Y; buộc UBND huyện Y bồi thường diện tích còn thiếu của thửa đất số 132a và buộc UBND huyện Y hỗ trợ giao cho ông 01 ki ốt số 10 không phải nộp tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Lê Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo.
- Người bị kiện và đại diện của người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:
 - +) Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.
 - +) Xét kháng cáo của ông Lê Q: Kháng cáo của ông Q là trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; bác toàn bộ kháng cáo của ông Lê Q, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Lê Q làm trong thời hạn được quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, ông là người cao tuổi và là thương binh nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Nghị Quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nên kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người bị kiện và đại diện người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lê TH và anh Lê H có mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính để tiến hành việc xét xử.

[1.3] Về xác định đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Q khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 về việc thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng mở rộng chợ No1, thị trấn No1 (nay là thị trấn NB) của UBND huyện Y; buộc UBND huyện Y bồi thường diện tích còn thiếu của thửa đất số 132a và buộc UBND huyện Y hỗ trợ giao cho ông 01 ki ốt số 10 không phải nộp tiền; đây là quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân nên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh B xác định đúng đối tượng khởi kiện; thụ lý, xét xử đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật

Tổ tụng hành chính và đã xác định đủ những người tham gia tổ tụng trong vụ án.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: UBND huyện Y ban hành Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 30/5/2012; ngày 30/8/2012 ông Q nhận được quyết định; ngày 05/9/2012 ông Q làm đơn khiếu nại nhưng đến ngày 19/11/2018, UBND huyện Y mới ban hành Công văn số 1552/UBND-TCĐ có nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Q; ngày 20/11/2018 UBND thị trấn No1 (nay là thị trấn NB) giao cho ông Q; đến ngày 27/8/2019 ông Q làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh B. Do đó, bản án sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của ông Q trong thời hạn luật định là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lê Q, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 về việc thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng mở rộng chợ No1, thị trấn No1 (nay là thị trấn NB) của UBND huyện Y và yêu cầu buộc UBND huyện Y bồi thường diện tích còn thiếu của thửa đất số 132a:

- *Về thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành quyết định:*

+) *Về thẩm quyền ban hành:* Căn cứ khoản 2 Điều 44 của Luật Đất đai 2003, khoản 2 Điều 31 của Nghị định số 69/2009-NĐ/CP của Chính phủ ngày 13/8/2009 quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 115 là đúng về thẩm quyền.

+) *Về trình tự, thủ tục ban hành:* Căn cứ tài liệu chứng cứ do UBND huyện Y cung cấp thể hiện UBND tỉnh B không ủy quyền cho UBND cấp huyện Thông báo thu hồi đất nhưng Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Thông báo số 52/TB-UBND ngày 10/10/2011 về chủ trương thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất sang quy hoạch xây dựng chợ No1 và khu dịch vụ thị trấn No1. Sau khi ban hành Thông báo, Chủ tịch UBND huyện Y không thông báo cho người bị thu hồi đất biết lý do thu hồi, thời gian và kế hoạch di chuyển, phương án tổng thể về bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, không thông báo thu hồi đất trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương và không niêm yết tại trụ sở UBND thị trấn No1. UBND huyện Y chưa thành lập Tổ chức phát triển quỹ đất nhưng Chủ tịch UBND huyện Y không thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và phương án đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp. Sau khi dự án xây dựng chợ No1 được xét duyệt, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư không lập và trình phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. UBND huyện Y chỉ niêm yết công khai phương án bồi thường hỗ trợ di chuyển mô tả thực hiện dự án xây dựng mở rộng chợ No1 và khu dịch vụ thị trấn No1, tiểu khu 3, thị trấn No1 (BL 110) mà không niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại UBND thị trấn No1 và tại các điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi để người bị thu hồi đất và những người liên quan tham gia ý kiến là chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại khoản 2 Điều 39 của

Luật Đất đai 2003; Điều 29, Điều 30 của Nghị định 69/2009–NĐ/CP của Chính phủ ngày 13/8/2009 quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- *Về nội dung quyết định:* Nguồn gốc thửa đất số 132a tại xứ đồng C của hộ gia đình ông Q được nhà nước giao nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, UBND huyện Y và gia đình ông Q đều xác định là đất giao 20 năm không thu tiền. Ông Lê Q cho rằng thửa đất số 132a tại xứ đồng C diện tích 266m², không phải 85m², chứng cứ xuất trình là Bản xác nhận của Trưởng tiểu khu 3, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác. Ông Lê Q và chính quyền tổ dân phố 3 (trước đây là tiểu khu 3) xác định thửa đất số 132a ở xứ đồng C của gia đình ông Q ngoài diện tích đất được giao 20 năm, còn có diện tích khai hoang nhưng không cung cấp được giấy tờ, tài liệu chứng cứ chứng minh diện tích đất khai hoang. Tờ khai diện tích tính thuế sử dụng đất nông nghiệp và Tờ khai đất đai, tài sản, cây cối ngày 14/4/2012 do ông Lê Q tự kê khai thể hiện thửa đất số 132a ở xứ đồng C có diện tích 85m². Như vậy, ông Lê Q không đưa ra được hồ sơ, giấy tờ tài liệu chứng minh thửa số 132a ở xứ đồng C có diện tích 266m² theo quy định tại Điều 50 của Luật Đất đai 2003 nên UBND huyện Y xác định đất số 132a có diện tích là 85m² là có căn cứ pháp luật.

Như vậy, việc UBND huyện Y ban hành Quyết định số 115 là chưa tuân thủ trình tự thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Đất đai 2003; Điều 29, Điều 30 Nghị định 69/2009–NĐ/CP của Chính phủ ngày 13/8/2009 quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chưa tuân thủ trình tự thủ tục thu hồi đất, chậm giao quyết định thu hồi đất cho gia đình ông Q và không có quyết định cưỡng chế nhưng đã tổ chức san lấp mặt bằng thửa đất số 132a. Tuy nhiên, diện tích đất thu hồi của hộ gia đình ông Lê Q đã được UBND huyện Y xác định đúng; số tiền bồi thường, hỗ trợ đã tính toán đúng quy định nên không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Lê Q. Hơn nữa, chợ No1 đã hoàn thành và đưa vào hoạt động từ năm 2015; do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Q là phù hợp.

[2.1] Đối với kháng cáo yêu cầu buộc UBND huyện Y hỗ trợ giao cho ông 01 ki ốt số 10 không phải nộp tiền:

Tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ–CP của Chính phủ ngày 13/8/2009 quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quy định: “2. Nhà nước thu hồi đất của người đang sử dụng vào mục đích nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tính theo giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.

UBND huyện Y chỉ thu hồi thửa đất nông nghiệp số 132a, xứ đồng C của gia đình ông Q để thực hiện dự án xây dựng chợ No1 và bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tính theo giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất mà không giao cho

ông Q 01 ki ốt tại Chợ No1 là đúng quy định tại Điều 16 Thông tư số 14/2009/TT–BTNMT ngày 01/10/2009 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư và trình tự thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; khoản 2 Điều 14, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 69/2009/NĐ–CP của Chính phủ ngày 13/8/2009 quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông Q là có căn cứ pháp luật.

[3] Từ phân tích, nhận định và đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của ông Lê Q nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Kháng cáo của ông Lê Q không được chấp nhận nhưng ông Q là người cao tuổi và là thương binh nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 34 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí kèm theo.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Lê Q, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06//2021/HC–ST ngày 15/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

2. Án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Lê Q.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng